

Số: 06/2018/QĐST-KDTM

Thủy Nguyên, ngày 20 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2017/TLST-KDTM ngày 19 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q, địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 1, 6, 7 Tòa nhà C, số 16 P, quận H, thành phố Hà Nội; địa chỉ Phòng giao dịch Thủy Nguyên: Số 9 đường B, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 3.2481.17 ngày 03 tháng 11 năm 2017).

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1982 và chị Vũ Thị L, sinh năm 1983; cùng cư trú tại: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Văn T, sinh năm 1952;

Anh Vũ Văn T, sinh năm 1977,

Chị Vũ Thị L, sinh năm 1983;

Cùng cư trú tại: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Văn T, anh Vũ Văn T và chị Vũ Thị L: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1982.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 856/HĐTD1-VIB32/10 ngày 15 tháng 9 năm 2010 và Hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD1-VIB32/11 ngày 23 tháng 12 năm 2011: Đến ngày 12 tháng 3 năm 2018 anh Hoàng Văn M và chị Vũ Thị L nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tổng số tiền là 934.873.907 (Chín trăm ba mươi tư triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm linh bảy đồng); trong đó nợ của hợp đồng tín dụng số 856/HĐTD1-VIB32/10 ngày 15 tháng 9 năm 2010 là: Nợ gốc 220.100.000 (Hai trăm hai mươi triệu, một trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 82.021.960 (Tám mươi hai triệu, không trăm hai mươi một nghìn, chín trăm sáu mươi đồng), nợ lãi quá hạn 247.325.417 (Hai trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm mười bảy đồng); nợ của hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD1-VIB32/11 ngày 23 tháng 12 năm 2011 là: Nợ gốc 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 13.789.390 (Mười ba triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi đồng), nợ lãi quá hạn 221.637.140 (Hai trăm hai mươi một triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi đồng).

Số tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc của hai hợp đồng nêu trên kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2018 trở đi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu anh Hoàng Văn M và chị Vũ Thị L tiếp tục phải thanh toán. Trường hợp có sự thay đổi về lãi suất cho vay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu anh M và chị L thanh toán.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2018 anh Hoàng Văn M và chị Vũ Thị L tiếp tục phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số nợ gốc 370.100.000 (Ba trăm bảy mươi triệu, một trăm nghìn đồng); trong đó nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 856/HĐTD1-VIB32/10 ngày 15 tháng 9 năm 2010 là 220.100.000 đồng, nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD1-VIB32/11 ngày 23 tháng 12 năm 2011 là 150.000.000 đồng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp có sự thay đổi về lãi suất cho vay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q yêu cầu anh Hoàng Văn M và chị Vũ Thị L thanh toán.

- Về phương án trả nợ: Anh Hoàng Văn M và chị Vũ Thị L có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc, lãi và lãi suất chậm thi hành án của Hợp đồng tín dụng số 856/HĐTD1-VIB32/10 ngày 15 tháng 9 năm 2010 và Hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD1-VIB32/11 ngày 23 tháng 12 năm 2011 trong thời hạn 06 (Sáu) tháng tính từ tháng 04 năm 2018 đến hết tháng 9 năm 2018. Các tháng 4, 5, 6, 7 và 8 mỗi tháng anh Hoàng Văn M và chị Vũ Thị L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc/01 hợp đồng tín dụng, ngày trả nợ là bất cứ ngày nào trong tháng. Hết tháng 9 năm 2018 anh Hoàng Văn

M và chị Vũ Thị L phải tất toán toàn bộ khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 856/HĐTD1-VIB32/10 ngày 15 tháng 9 năm 2010 và Hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD1-VIB32/11 ngày 23 tháng 12 năm 2011. Trường hợp anh Hoàng Văn M và chị Vũ Thị L không trả được nợ theo thỏa thuận như đã nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền:

Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 182m² và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 896, tờ bản đồ số 01, thôn A, xã A, huyện T, đứng tên chủ sử dụng là ông Vũ Văn T và vợ là bà Trần Thị D, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 596179 ngày 02 tháng 6 năm 2010, số vào sổ cấp giấy CH/ 00026 để trả cho toàn bộ số nợ gồm gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 856/HĐTD1-VIB32/10 ngày 15 tháng 9 năm 2010 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2018.

Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 77,4m² và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 896, tờ bản đồ số 01, thôn A, xã A, huyện T, đứng tên chủ sử dụng là anh Hoàng Văn M và vợ là bà Vũ Thị L, được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 596180 ngày 02 tháng 6 năm 2010 số vào sổ cấp giấy CH/00027 để trả cho toàn bộ số nợ gồm gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 1116/HĐTD1-VIB32/11 ngày 23 tháng 12 năm 2011 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- Về án phí: Anh Hoàng Văn M và chị Vũ Thị L nhận nộp toàn bộ 20.023.100 (Hai mươi triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, một trăm đồng). Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 19.400.000 (Mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, biên lai số 0008579 ngày 18 tháng 12 năm 2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Dũng